

Bản án số: 20/2023/DS-ST

Ngày: 04 - 4 - 2023

V/v: “Tranh chấp dân sự - Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị H.

2. Ông Phan Minh Q.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2022/TLST-DS ngày 04/11/2022 về việc “Tranh chấp dân sự - Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX-DS ngày 22/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 13/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lương Văn Đ , sinh năm 1948. (Có mặt).

- Bà Trần Thị P , sinh năm 1955. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Phú B , xã A , huyện T , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Văn Đ bà Trần Thị P là bà Ngô Thị Anh N , sinh năm 1997. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P , xã Đ , huyện T , tỉnh A . (Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2022).

2. Bị đơn:

Ông Lương Văn U , sinh năm 1970, (Vắng mặt).

Bà Phan Thị Mỹ N , sinh năm 1969. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Phú B , xã A , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 03/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lương Văn Đ , bà Trần Thị P (do bà Ngô Thị Anh N đại diện) trình bày: ông Lương Văn Đ là anh ruột của ông Lương Văn U . Vào khoảng năm 1996, ông Đ , bà P có cho ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N mượn 15 chỉ vàng 24k (loại vàng thị trường). Hai bên có lập thỏa thuận trả nợ ngày 16/4/2010, theo đó, mỗi năm trả 05 chỉ vàng (năm 2010 trả 05 chỉ, năm 2011 trả 05 chỉ và năm 2012 trả 05 chỉ). Trong 02 năm đầu, ông U và bà N có trả cho ông Đ , bà P 10 chỉ vàng 24kara đúng như thỏa thuận. Tuy nhiên, đến năm 2012 ông U , bà N không trả 05 chỉ vàng còn lại.

Đến năm 2013 ông Đ , bà P có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã A yêu cầu giải quyết. Theo biên bản hòa giải ngày 08/5/2013 lập tại UBND xã A thì ông U , bà N thừa nhận còn nợ ông Đ , bà P 05 chỉ vàng 24kara (loại vàng thị trường) và hứa đến ngày 30/01/2014 sẽ trả dứt điểm 05 chỉ vàng này nhưng đến nay vẫn chưa trả. Mặc dù ông Đ , bà P nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông U , bà N vẫn không thực hiện.

Nay ông Đ , bà P yêu cầu ông Lương Văn U và bà Phan Thị Mỹ N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ , bà P 05 chỉ vàng 24kara (vàng thị trường) theo biên bản hòa giải ngày 08/5/2013, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N trả cho ông Lương Văn Đ , bà Trần Thị P 05 chỉ vàng 24kara (vàng thị trường).

+ Ông U , bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp hợp đồng dân sự - Đòi tài sản, theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N có địa chỉ tại xã A , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông U , bà N đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông U , bà N theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: ông Lương Văn Đ , bà Trần Thị P yêu cầu ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N liên đới trả cho ông Đ , bà P 05 chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: ông Đ , bà P có cho ông U , bà N mượn 15 chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), không tính lãi. Hai bên có lập Tờ thỏa thuận trả nợ ngày 16/4/2010. Đến năm 2011, ông U , bà N đã trả được 10 chỉ vàng, còn nợ lại 05 chỉ vàng. Mặc dù ông Đ , bà P nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông U , bà N vẫn không thực hiện.

[4.1] Xét, Tờ thỏa thuận trả nợ ngày 16/4/2010 thì thấy, ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N thừa nhận có mượn của ông Đ , bà P 15 chỉ vàng 24kara (vàng thị trường) và đồng ý trả dần, theo phương thức mỗi năm trả 05 chỉ vàng: “*Năm 2010 trả 05 chỉ; năm 2011 trả 05 chỉ; năm 2012 trả 05 chỉ*”. Tuy nhiên đến năm 2011 ông U , bà N chỉ trả cho ông Đ , bà P được 10 chỉ vàng, còn nợ lại 05 chỉ vàng 24kara.

[4.2] Xét, biên bản hòa giải ngày 08/5/2013 lập tại UBND xã A , huyện T , tỉnh A , bị đơn cam kết đến ngày 30/01/2014 sẽ trả dứt điểm 05 chỉ vàng 24kara cho nguyên đơn. Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trên bị đơn vẫn không thực hiện trả vàng cho nguyên đơn.

[4.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông U , bà N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ nhưng ông U , bà N không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ trên.

[5] Từ những nhận định tại mục [4], Hội đồng xét xử xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng cho mượn vàng. Ông Lương Văn U , bà N thừa nhận còn nợ ông Đ , bà P 05 chỉ vàng 24kara và cam kết đến ngày 30/01/2014 trả dứt nợ nhưng vẫn không thực hiện. Như vậy, có căn cứ xác định

hợp đồng cho mượn vàng giữa ông Đ , bà P với ông U , bà N thực tế có xảy ra, được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Ông U , bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Đ , bà P khởi kiện yêu cầu trả 05 chỉ vàng 24kara (vàng thị trường) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lương Văn Đ , bà Trần Thị P 05 chỉ vàng 24kara (vàng thị trường).

[6] Về lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N phải chịu chung án phí theo quy định của pháp luật. Giá vàng 24kara tại thời điểm xét xử (ngày 04/4/2023) là 5.365.000 đồng/chỉ. $[(5.365.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ chỉ}) \times 5\% \text{ mức án phí dân sự có giá ngạch}] = 1.341.250 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn ông Đ , bà P thuộc đối tượng người cao tuổi (có đơn xin miễn tạm ứng án phí) nên được chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn Đ , bà Trần Thị P .

Buộc ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lương Văn Đ , bà Trần Thị P 05 (năm) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lương Văn U , bà Phan Thị Mỹ N phải chịu chung 1.341.250 đồng (một triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Lương Văn Đ , bà Trần Thị P thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thanh án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H